

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHƯ PƯH  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/DS-ST

Ngày: 05/11/2020

*“V/v tranh chấp hợp đồng  
dân sự vay tài sản”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PƯH, TỈNH GIA LAI**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Tiên Sỹ.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Huy Cửu,  
2. Bà Mai Thị Thanh Hằng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thùy-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai.

Ngày 05 tháng 11 năm 2020, tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 119/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2020 về việc *“Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXX-ST ngày 07 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Chí T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn H, thị trấn N, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. *Bị đơn:* ông Phạm Thanh Ph.

Địa chỉ: Thôn P, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà T trình bày:*

Ngày 06/7/2016 ông Ph có vay của bà T số tiền 100.000.000 đồng, ngày 26/9/2016, ông Ph tiếp tục vay của bà T 50.000.000 đồng, tổng cộng ông Ph có vay và còn nợ của bà T 150.000.000 đồng. Ngày 11/12/2019, bà T nhiều lần yêu cầu ông Ph trả nợ, nhưng ông Ph không trả nên bà T đã gửi đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án

nhân dân huyện Chư Pưh giải quyết buộc ông Ph phải có nghĩa vụ trả lại cho bà T 150.000.000 đồng.

Ông Ph vay tiền để làm gì bà T không biết, chỉ nghe ông Ph nói vay tiền về để làm ăn. Việc vay mượn giữa bà T với ông Ph chỉ có bà T và ông Ph tham gia giao dịch, không liên quan gì đến chồng của bà T và vợ của ông Ph.

*Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Ph trình bày:*

Ông Ph có vay và còn nợ của bà T 150.000.000 đồng như bà T trình bày. Việc ông Ph vay tiền của bà T, vợ của ông Ph không biết, không tham gia và không có liên quan gì, vì ông Ph vay tiền để dùng vào mục đích cá nhân của ông Ph. Hiện tại ông Ph làm ăn thua lỗ, rất khó khăn nên chưa có tiền trả cho bà T. Ông Ph đồng ý trả nợ cho bà T, nhưng hiện nay ông Ph chưa có khả năng trả nợ nên đề nghị khi nào ông Ph có điều kiện, ông sẽ trả nợ cho bà T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Ngày 05/6/2020, nguyên đơn có đơn khởi kiện. Xét hình thức, nội dung đơn khởi kiện đảm bảo, bị đơn có nơi cư trú tại Thôn P, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Căn cứ các quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai.

Tại phiên tòa, bị đơn là ông Ph vắng mặt đến lần thứ hai không vì trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng. Do đó, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét thời hiệu khởi kiện: Do các bên đương sự không có yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu, nên miễn xét.

[3] Xét điều kiện có hiệu lực của giấy vay tiền:

Ông Ph viết giấy vay tiền có nội dung: ngày 26/7/2016 Ph mượn 100.000.000 đồng, ngày 26/9/2016 Ph mượn 50.000.000 đồng. Nội dung này đã được các bên đương sự thừa nhận. Xét các bên tham gia giao kết hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với pháp luật nên có giá trị pháp lý. Xét cả hai bên khi tham gia giao dịch đều có năng lực hành vi dân sự; mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; các bên tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện; hình thức giao dịch được lập thành văn bản. Do đó giấy vay tiền có hiệu lực thi hành kể từ ngày các bên xác lập và không bị vô hiệu.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà T, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Ph phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng việc ông Ph có vay và còn nợ của bà T 150.000.000 đồng là có thật, sự việc này đã được các bên đương sự thừa nhận. Tuy nhiên, hiện nay ông Ph chưa có khả năng trả nợ nên đề nghị khi nào ông Ph có điều kiện, ông Ph sẽ trả nợ cho bà T. Việc bà T cho ông Ph vay, mượn tiền không liên quan đến chồng của bà T và vợ của ông Ph, sự việc này đã được các bên thừa nhận. Do đó, Tòa án không triệu tập và không đưa chồng của bà T và vợ của ông Ph vào tham gia tố tụng trong vụ án này.

Do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nguyên đơn đã có thông báo yêu cầu bị đơn trả nợ vào một thời gian hợp lý, nhưng bị đơn không trả nợ cho nguyên đơn nên căn cứ vào các Điều 463, 466, 469 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là ông Ph phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn là ông Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho nguyên đơn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 144, 147, 227, 228, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 469 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Chí T.

**1.** Buộc bị đơn là ông Phạm Thanh Ph phải có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Chí T số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân

sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**2.** Về án phí: Buộc bị đơn là ông Phạm Thanh Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Chí T tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006275 ngày 15/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai.

**3.** Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự (02 bản);
- VKSND huyện Chư Pưh (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Chư Pưh (01 bản);
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai (01 bản);
- Lưu hồ sơ vụ án (01 bản);
- Lưu VT (01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký, đóng dấu)*

**Võ Tiến Sỹ**